

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ- PT

Ngày 12- 6- 2020

“Về việc chia tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2020/TLPT- HNGĐ ngày 16-4-2020 về việc *“Chia tài sản sau ly hôn”*.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ- ST ngày 14-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2020/QĐ-PT ngày 14- 5- 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1970, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện L, Thanh Hóa.

Bị đơn kháng cáo: Chị Lê Thị X, sinh năm 1969, có mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, Thanh Hoá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị U'- Kháng cáo, sinh năm 1955, có mặt;

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1955, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm, vắng mặt;

Chị Đậu Thị X, sinh năm 1973, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện L, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M và chị Lê Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989. Năm 2002, anh M đi xuất khẩu lao động có gửi tiền về để chị X mua đất. Thửa đất số 827, tờ bản đồ số 08 diện

tích 88m² mang tên ông Nguyễn Văn M và chị Lê Thị X; địa chỉ thôn H, xã M, huyện L, Thanh Hóa, cấp ngày 30/8/2007, số phát hành AK 468198 là tài sản chung của vợ chồng. Anh M và chị X được giải quyết không công nhận vợ chồng tại bản án số 20/2014/HNGĐ- ST ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, chưa chia tài sản, lô đất trên các đương sự thỏa thuận để cho chị X cho thuê lấy tiền nuôi con. Nhưng sau đó chị X tự ý bán đất cho bà Vũ Thị U', anh M không đồng ý. Nay anh M yêu cầu chia tài sản chung của anh và chị X sau khi ly hôn là lô đất nêu trên theo quy định.

Theo bị đơn chị Lê Thị X trình bày: Chị X khai thống nhất với anh Nguyễn Văn M về quan hệ hôn nhân, đã được Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, chưa chia tài sản. Trong thời gian anh M đi làm ở Anh Quốc, năm 2006 chị X có mua thửa đất số 827, tờ bản đồ số 8, diện tích 88m²; địa chỉ thôn H, xã M, huyện L, Thanh Hóa, là tài sản chung của vợ chồng. Năm 2011, anh M gọi điện về trao đổi do có nợ một người bên Anh Quốc 4.000 bảng, bảo chị X bán đất để trả nợ. Chị X bán đất cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U' ở thôn N, xã H, huyện L. Khi hai bên mua bán đất đã gọi điện và anh M cũng đồng ý, hẹn khi nào về nước sẽ ký giấy bán đất cho người mua. Chị X nhận tiền 98.000.000 đồng, viết giấy tặng cho đất, bàn giao đất cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U', hẹn khi anh M về sẽ ký giấy cho ông bà làm trích lục. Chị X đã nhờ cháu Nguyễn Văn Thuyên ở thôn H, xã M, huyện L, Thanh Hóa (họ hàng với ông M) chở đến Hải Dương trả tiền cho ông Đoàn Do Nghĩa 132.000.000 đồng, nay chị không nhớ địa chỉ cụ thể. Năm 2012, anh M về Việt Nam, ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U' có đến gặp nhiều lần nhưng anh M yêu cầu đưa thêm tiền thì mới ký giấy bán đất. Theo chị X thửa đất này đã bán trả nợ của anh M, không còn để chia tài sản chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Theo ý kiến của chị X có trình bày mảnh đất trên chị đã bán có sự thống nhất của anh M và chị X đề nghị chị X phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc giữa chị và anh M đã thống nhất bán mảnh đất trên cho người khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U' trình bày: Ông Tr và bà U' đã mua thửa đất số 827, tờ bản đồ số 8, diện tích 88m² của chị X; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, với giá chuyển nhượng đất là 98.000.000 đồng. Sau khi ông Tr và bà U' giao tiền, chị X đưa cho ông bà 01 đơn xin trao tặng đất ở bản photo, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photo mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị X. Từ tháng 01/2011, gia đình ông Tr và bà U' sử dụng thửa đất số 827, tờ bản đồ số 8, diện tích 88m²; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã M, huyện L. Khi anh M về, ông Tr và bà U' có gặp và yêu cầu anh M ký giấy bán đất. Ông Tr và bà U' cam kết việc

mua bán đất là có thật, đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền và lợi ích cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đậu Thị X trình bày: Vào khoảng năm 2016, gia đình chị Đậu Thị X có thuê đất của bà U tại thửa đất số 827, tờ bản đồ số 08 tại thôn H, xã M, huyện L để mở rộng diện tích kinh doanh. Sau khi thuê, chị Đậu Thị X đã đổ đất san lấp mặt bằng, bắc cột xà gỗ và lợp tôn để kinh doanh. Nay chị Đậu Thị X đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho gia đình chị.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ- ST ngày 14-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã xử:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 171; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 207, Điều 210, Điều 219 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung sau ly hôn của anh Nguyễn Văn M.

Anh M được quyền sử dụng thửa đất số 827, tờ bản đồ số 8 với diện tích 88m², tại: thôn H, xã M, huyện L (phía bắc giáp đường giao thông tỉnh lộ, phía nam giáp đất của hộ ông Nguyễn Văn V, phía đông giáp đất sản xuất kinh doanh của hộ ông Nguyễn Văn V, phía tây giáp đất ở hộ ông Nguyễn Văn V. Kích thước chiều rộng phía đường tỉnh lộ là 5,5m, chiều dài 16m), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK468198 ngày 30 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân huyện Hậu Lộc cấp, có giá trị là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Nền đất bồi trức và toàn bộ cột vì kèo, xà vồ, mái tôn trên diện tích đất 88m² có giá trị là 24.499.200đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn M có trách nhiệm giao lại cho chị Lê Thị X 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) tương ứng ½ giá trị tài sản chung được chia. Trả lại cho anh Nguyễn Văn V và chị Đậu Thị X công bồi đắp nền, tiền cột, kèo, xà vồ và mái tôn tạo dựng trên diện tích đất 88m² có giá trị: 24.499.200đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Giành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U bằng vụ án khác đối với số tiền 98.000.000đ (chín mươi tám triệu đồng) mua đất của chị Lê Thị X.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24-02-2020, chị Lê Thị X kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do bà U và ông Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng án sơ thẩm tuyên là có mặt, không triệu tập người làm chứng theo yêu cầu

của chị X, án sơ thẩm không xem xét khách quan yêu cầu của chị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 26- 02- 2020, bà Vũ Thị U' có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do bà U' và ông Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng án sơ thẩm tuyên là có mặt, việc mua bán đất đã được anh M đồng ý, Tòa án sơ thẩm không cho đối chất giữa bà U' và ông Tr với anh M làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định.

Qua xem xét thấy rằng án sơ thẩm đã tách vụ án không đúng quy định, có thiếu sót về thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án không triệt để, không đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị X và bà Vũ Thị U' hủy toàn bộ án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của các đương sự gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của Tòa án sơ thẩm: Anh M yêu cầu chia tài sản chung của anh và chị X sau khi ly hôn, bản án sơ thẩm đã quyết định giao tài sản chung là đất cho anh M được sử dụng, buộc anh M giao tiền chia tài sản cho chị X; trả tiền bồi đất và công trình cho người thuê đất; giành quyền cho người mua đất khởi kiện yêu cầu chị X trả tiền bán đất bằng vụ kiện khác. Qua xem xét thấy rằng án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng, thiếu sót về thu thập chứng cứ và nội dung tuyên án.

- Vi phạm về tố tụng:

Tòa án sơ thẩm không xử lý toàn diện vụ việc để khắc phục hậu quả đối với giao dịch tặng cho đất bất hợp pháp, giành quyền cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U' đòi lại tiền mua đất bằng vụ kiện khác là trái nguyên tắc qui định về tách vụ án, rất bất cập trong giải quyết vụ việc này. Việc khắc phục hậu quả của giao dịch tặng cho đất bất hợp pháp giữa chị X với ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U' buộc các bên hoàn trả những gì đã giao nhận cho nhau phải được giải quyết trong vụ án này, không thể tách ra được. Vì trường hợp sau này ông Nguyễn Văn

Tr và bà Vũ Thị U khởi kiện đòi tiền mua đất bằng vụ án khác nếu có yêu cầu xác định lại giá trị đất, mà đất đã được chia và giao trong vụ án này rồi thì sẽ rất khó khăn, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của đương sự. Bởi vì phải xác định trách nhiệm chịu thiệt hại trong giao dịch tặng cho đất bất hợp pháp, sau khi trừ số tiền phải trả lại cho ông Tr và bà U, giá trị tài sản chung của anh M và chị X còn lại mới được chia.

Trong vụ án này có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn V và chị Đậu Thị X thuê đất của ông Tr và bà U, đã bồi đất và xây công trình. Nhưng Tòa án sơ thẩm không thông báo cho anh V và chị X tham gia định giá tài sản làm mất quyền đề nghị, khiếu nại đối với việc định giá tài sản liên quan đến quyền lợi của họ.

Theo qui định thì thành phần Hội đồng định giá tài sản trong vụ án dân sự không có Thẩm phán, nhưng tại Biên bản định giá ngày 03- 02- 2020 lại có Thẩm phán Lê Nam Văn ký tên và đóng dấu không rõ tham gia tư cách gì.

- Thiếu sót về thu thập chứng cứ: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Vũ Thị U đã được chị X giao đất theo giao dịch tặng cho đất, án sơ thẩm không yêu cầu đương sự cho biết ý kiến cụ thể là thực hiện hay hủy giao dịch tặng cho đất, có đề nghị bồi thường không v.v...

- Thiếu sót về tuyên án: Thừa đất của anh M và chị X đã giao cho ông Tr và bà U, sau đó cho anh Nguyễn Văn V và chị Đậu Thị X thuê. Án sơ thẩm không tuyên ai phải giao thừa đất này cho anh M là không rõ ràng, khó thi hành án.

Những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa thực hiện đầy đủ nêu trên của án sơ thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm theo quy định, đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[3]. Xem xét nội dung kháng cáo của các đương sự: Chị Lê Thị X và bà Vũ Thị U có nội dung kháng cáo giống nhau nên được xem xét chung.

- Về nội kháng cáo án sơ thẩm tuyên ông Nguyễn Văn Tr, bà Vũ Thị U vắng mặt nhưng án sơ thẩm lại tuyên là có mặt: Qua xem xét thấy rằng án sơ thẩm đã tuyên xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Tr, bà Vũ Thị U, anh Nguyễn Văn V, chị Đậu Thị X. Ông Nguyễn Văn Tr, bà Vũ Thị U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt (hoặc) bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Vì vậy, kháng cáo của các đương sự cho rằng án sơ thẩm tuyên không đúng về quyền kháng cáo có mặt đối với ông Nguyễn Văn Tr, bà Vũ Thị U là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về nội kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm: Như đã phân tích nêu trên, án sơ thẩm có vi phạm tố tụng, sai sót về thu thập chứng cứ và quyết định giải quyết vụ

án. Vì vậy, kháng cáo của các đương sự đề nghị hủy án sơ thẩm là có cơ sở được chấp nhận.

Các đương sự kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị X và bà Vũ Thị U, hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ- ST ngày 14-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 148 BLTTDS; Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Trả lại chị Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0007889 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Trả lại cho bà Vũ Thị U số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0007890 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- VKSND huyện Hậu lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Quốc Văn